

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HC-ST

Ngày: 09/6/2022

V/v khiếu kiện hành vi hành
chính trong quản lý Nhà nước
về đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Phan Ngọc Rỹ

2/ Ông Nguyễn Thanh Nhật

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Cao Thái Thành – Thư ký Tòa án tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 78/2022/TLST-HC ngày 30/3/2022 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 56/2022/QĐXXST-HC ngày 27/5/2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà N, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đ, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện B, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/02/2022).

Người bị kiện:

1/ Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông U – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền số 372/UQ-UBND ngày 13/4/2022)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông H – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Long An. (Theo văn bản cử người bảo vệ số 4254/TB-UBND ngày 13/4/2021)

2/ Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông L - Chủ tịch UBND xã T, huyện B.

(Bà Đ và ông H có mặt, Ông U và ông L có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Người khởi kiện – bà N do bà Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Nguồn gốc thửa số 58, diện tích 1.232m², tờ bản đồ số 4, loại đất lúa, tọa lạc ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An có nguồn gốc do mẹ bà N khai hoang từ trước năm 1975 và sau năm 1975 mẹ bà N cho bà N tiếp tục canh tác cho đến nay. Năm 2020, bà N làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND xã T ban hành văn bản số 843/CV-UBND ngày 21/12/2021 nội dung xác định hồ sơ của bà N không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà N tiếp tục gửi hồ sơ lên UBND huyện B. Nhưng đến nay UBND huyện B không trả lời xem xét việc cấp giấy cho bà N. Do đó, bà N khởi kiện hành vi hành chính của UBND xã T và UBND huyện B. Buộc UBND xã T và UBND huyện B thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N đối với thửa số 58, diện tích 1.232m², tờ bản đồ số 4, loại đất lúa, tọa lạc xã T, huyện B, tỉnh Long An.

*** Người bị kiện - Ủy ban nhân dân xã T không tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến trình bày bằng văn bản.**

*** Tại Văn bản số 4939/UBND-VP ngày 18/5/2022, người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện B có ý kiến trình bày;**

Ngày 16/6/2021, UBND xã T có Báo cáo số 303/BC-UBND về việc quản lý đất công trên địa bàn xã (đất có nguồn gốc từ Hợp tác xã nông nghiệp cho người dân mượn) và đề nghị UBND huyện xem xét cho ý kiến được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho số hộ để ổn định tình hình quản lý đất đai tại địa phương.

Ngày 22/9/2021, UBND huyện ban hành Công văn số 6721/UBND-VP phản hồi đến UBND xã T về việc xử lý các trường hợp mượn đất công để sản xuất nông nghiệp. Theo đó, giao UBND xã T chủ trì, phối hợp cùng Phòng Tài nguyên và Môi trường khẩn trương tiến hành lập hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những trường hợp đủ điều kiện theo quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện B xác định chủ trương UBND huyện B sẽ tiến hành thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ đủ điều kiện trong đó có hộ bà N. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An xác định:

Trong quá trình thụ lý, xét xử, Tòa án làm đúng thủ tục theo quy định Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, xác định đúng người tham gia tố tụng, quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong tranh tụng được đảm bảo đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính

Về nội dung vụ án: Ủy ban nhân dân huyện B đã có chủ trương cho cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những trường hợp sử dụng đất của Hợp tác xã P từ khi giải thể năm 1988 đến nay. Nhưng không giải quyết cụ thể trường hợp bà N theo đơn bà N đăng ký kê khai cấp giấy. Xét nguồn gốc đất thửa 58 là của gia đình bà N đã sử dụng ổn định, lâu dài và không có tranh chấp nên bà N đủ điều kiện được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N. Buộc UBND xã T và UBND huyện B thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu xem xét hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của UBND xã T và UBND huyện B thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Văn bản số 843/CV-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã T là quyết định hành chính liên quan nên được xem xét giải quyết trong vụ án này theo quy định tại Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, do người bị kiện có văn bản xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành đối thoại được theo quy định tại Điều 135 Luật Tố tụng hành chính.

Các đương sự vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Năm 2020, bà N nộp đơn đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua đường bưu điện đến UBND xã T. Ngày 21/12/2021, UBND xã T ban hành Văn bản số 843/CV-UBND nội dung xác định bà N không đủ điều kiện được cấp giấy. Bà N tiếp tục nộp hồ sơ đến UBND huyện B qua đường bưu điện theo phiếu báo phát ngày 18/02/2022. Tuy nhiên, UBND huyện B không giải quyết nên ngày 30/3/2022, bà N tiếp tục nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[4] Về thẩm quyền:

UBND huyện B là cơ quan quản lý đất đai địa phương có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật đất đai. UBND xã T là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và thực hiện thủ tục xác nhận tình trạng đất theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai. Do đó, hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến UBND xã T và UBND huyện B là đúng cơ quan có thẩm quyền.

[5] Về hành vi hành chính bị kiện, xét thấy:

Việc UBND xã T xác định phần đất thuộc thửa 58 mà bà N xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đủ điều kiện được cấp giấy là không chính xác. Bởi lẽ, nguồn gốc thửa 58 được gia đình bà N canh tác từ năm 1988 đến nay như bà N trình bày hay mượn đất của Hợp tác xã P sau khi giải thể thì bà N sử dụng ổn định và canh tác lúa từ năm 1988 đến nay với mục đích sử dụng sản xuất nông nghiệp. Do đó, bà N kê khai đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thực hiện quyền của người sử dụng đất được quy định tại Điều 166 Luật đất đai. UBND xã T và UBND huyện B xác định gia đình bà N sử dụng ổn định, lâu dài và không tranh chấp. Lời trình bày của bà N phù hợp biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Do đó, bà N hoàn toàn đủ điều kiện được quy định tại Điều 101 Luật đất đai và Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tuy nhiên, UBND xã T cũng đã ban hành Báo cáo số 367/BC-UBND ngày 25/5/2022 nội dung trình UBND huyện B xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân mượn đất của Hợp tác xã để sản xuất nông nghiệp. Nhưng UBND huyện B chậm xem xét và không thực hiện thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N để kéo dài chưa dứt điểm nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định pháp luật để tiếp tục xem xét hành vi hành chính bị khởi kiện. Văn bản số 4939/UBND-VP ngày 18/5/2022 của UBND huyện B xác định việc khẩn trương tiến hành lập hồ sơ đăng ký cấp giấy cho các trường hợp đủ điều kiện nhưng không xác định cụ thể trường hợp bà N theo đơn của bà N nên không thể xem xét công nhận việc đối thoại thành được.

[6] Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc khởi kiện quyết định hành chính của UBND xã T và UBND huyện B như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã đề nghị.

Hành vi của UBND xã T và UBND huyện B về việc không thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N là hành vi trái pháp luật.

Hủy Văn bản số 843/CV-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Long An do xác định trường hợp bà N không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái quy định pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N đối với thửa số 58, tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An đúng diện tích thực tế bà N sử dụng theo quy định Luật đất đai.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.200.000 đồng: bà N tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[8] Về án phí: Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân huyện B mỗi đương sự phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 166 và Điều 101 và Điều 105 Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân huyện B.

Hành vi của UBND xã T và UBND huyện B về việc không thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N là hành vi trái pháp luật.

Hủy Văn bản số 843/CV-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Buộc Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân huyện B phải thực hiện thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N đối với thửa số 58, tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An đúng diện tích thực tế bà N sử dụng theo quy định Luật đất đai.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.200.000 đồng: bà N tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Về án phí: Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân huyện B mỗi đương sự phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 309, Điều 311 và Điều 312 Luật tổ tụng hành chính./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Khánh